|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

DỰ THẢO

**PHƯƠNG ÁN**

**Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến
hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)*

**NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN**

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON**

**1. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.012961)**

**1.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định nộp/nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 10 ngày làm việc xuống 10 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường mầm non thành một điều kiện chung: “*Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo*”.

**Lý do:** Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về Đề án đảm bảo gắn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

**1.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 3; khoản 3 Điều 4 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (sau đây viết tắt là Nghị định số 125/2024/NĐ-CP).

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **69,734** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **63,241** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **6,494** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **9,31 %**.

**2. Thủ tục Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (1.006390)**

**2.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 10 ngày làm việc xuống 10 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản; bãi bỏ quy định nộp/nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

c) Bãi bỏ điều kiện “*Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường*”.

**Lý do:** Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bô, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi nhà trường đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép nhà trường hoạt động là chưa cần thiết.

d) Nghiên cứu, gộp điều kiện “*Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và phải bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một trẻ em theo quy định*” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thành “*Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt diện tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu mỗi trẻ*”.

**Lý do:** Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về đất đai, cơ sở vật chất đảm bảo gắn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

**2.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 6 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Bãi bỏ khoản 5 Điều 5 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **113,497** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **53,903** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **59,594** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **52,51 %**.

**3. Thủ tục Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại (1.006444)**

**3.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bổ sung quy định nộp/nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**3.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 3 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,055** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,35** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,705** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **66,82%**.

**4. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trư ờng mầm non, nhà trẻ (1.006445)**

**4.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*.

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 15 ngày làm việc xuống 07 ngày và 09 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản; bãi bỏ quy định nộp/nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

**4.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51 Luật Giáo dục năm 2019.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,909** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,673** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,236** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **8,12%**.

**5. Thủ tục Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012962)**

**5.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 07 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản; bãi bỏ quy định nộp/nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

**5.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 4 Điều 9 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **150,489** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **129,189** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **21,3** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **14,15%**.

**II. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

**1. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học (1.012963)**

**1.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 10 ngày làm việc xuống 10 ngày và 06 ngày làm việc..

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học thành một điều kiện chung: “*Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo*”.

**Lý do:** Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về Đề án đảm bảo gắn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

**1.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 15; khoản 3 Điều 16 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **11,916** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **8,179** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **3,737** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **31,36 %**.

**2. Thủ tục Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (2.001842)**

**2.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc xuống 12 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Bãi bỏ điều kiện: *Có chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*.

**Lý do:** Cắt giảm , đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP.

d) Bãi bỏ điều kiện: *Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường*.

**Lý do:** Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bô, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi nhà trường đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép nhà trường hoạt động là chưa cần thiết. Các nhà trường đã đáp ứng các điều kiện cốt lõi như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính, … thì việc chưa có bản Quy chế hoàn chỉnh ngay từ đầu không ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mặt khác, trong quy định về thành phần hồ sơ, chỉ yêu cầu nộp dự thảo Quy chế, tức là cũng chưa có Quy chế chính thức, do đó, việc quy định có Quy chế à điều kiện cứng là không phù hợp.

**2.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ khoản 2, khoản 5 Điều 17 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **37,398** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **22,27** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **15,128** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **40,45%**.

**3. Thủ tục Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại (1.004552)**

**3.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bổ sung quy định gửi hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**3.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 13 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,231** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,927** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,304** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **24,37%**.

**4. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (1.004563)**

**4.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 10 ngày làm việc xuống 10 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*.

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “*Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục.

**4.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **5,044** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **3,481** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,563** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **30,93%**.

**5. Thủ tục Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học) (1.001639)**

**5.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**5.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 21 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,400** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,979** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,421** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **30,00%**.

**6. Nhóm 02 thủ tục: Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (1.012964); Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (1.012944)**

**6.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc xuống 15 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường trung học học thành một điều kiện chung: “*Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo*”.

**Lý do:** Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về Đề án đảm bảo gắn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

**6.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 25; khoản 3 Điều 26 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 18 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,636** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,546** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **2,09** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **45,08%**.

**7. Nhóm 02 thủ tục: Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (1.012965); Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục (1.012953)**

**7.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc xuống 15 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Bãi bỏ điều kiện: *Có chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*.

**Lý do:** Đơn giản hóa điều kiện về chương trình giáo dục trường trung học theo Nghị quyết số 66/NQ-CP.

d) Bãi bỏ điều kiện: *Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường*.

**Lý do:** Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bô, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi nhà trường đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép nhà trường hoạt động là chưa cần thiết. Các nhà trường đã đáp ứng các điều kiện cốt lõi như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính, … thì việc chưa có bản Quy chế hoàn chỉnh ngay từ đầu không ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mặt khác, trong quy định về thành phần hồ sơ, chỉ yêu cầu nộp dự thảo Quy chế, tức là cũng chưa có Quy chế chính thức, do đó, việc quy định có Quy chế à điều kiện cứng là không phù hợp.

**7.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ khoản 2, 5 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 28 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,900** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,678** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **2,222** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **45,35%**.

**8. Nhóm 02 thủ tục: Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại (1.012966); Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại (1.012954)**

**8.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**8.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 20 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,86** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,87** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,99** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **53,23%**.

**9. Nhóm 02 thủ tục: Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (1.012967); Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (1.012955)**

**9.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc xuống 15 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*.

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “*Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục.

**9.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 30 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 21 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,872** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,896** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,976** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **40,56%**.

**10. Nhóm 02 thủ tục: Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012968); Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường) (1.012956)**

**10.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**10.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 31 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2205/NĐ-CP

**10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,766** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,896** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1,87 triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **39,24%**.

**11. Nhóm 02 thủ tục chuyển đổi trường tư thục sang trường tư thục hoạt động không vì lợi nhuận: Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008724); Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008725)**

**11.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ tại:

- Thủ tục Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận: “*Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có).*”

- Thủ tục Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận: *“Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”.*

**Lý do:** Các quyết định này do chính cơ quan cấp phép hoặc quản lý cấp, nên không cần yêu cầu tổ chức nộp lại.

b) Mẫu hóa thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận; Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

**Lý do:** Chuẩn hóa nội dung, hình thức văn bản, tránh tình trạng mỗi địa phương hoặc mỗi cơ sở giáo dục trình bày theo cách khác nhau, gây khó khăn trong quá trình tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; đồng thời, phục vụ triển khai dịch vụ công mức độ trực tuyến, giúp tích hợp biểu mẫu vào hệ thống Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công quốc gia và hệ thống phần mềm quản lý ngành.

c) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**11.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 6, Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (sau đây viết tắt là Nghị định số 84/2020/NĐ-CP).

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 10, Điều 23 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **12,682** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **8,082** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **4,601** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **36,28 %**.

**12. Thủ tục Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (1.012975)**

**12.1. Nội dung đơn giản hóa**

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 07 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**12.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **6,098** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **6,098** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

**III. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**1. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường đại học (1.012976)**

**1.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC tại bước đề nghị phê duyệt chủ trương thành lập hoặc cho phép thành lập trường đại học từ 45 ngày xuống 30 ngày (điểm c khoản 4); tại bước đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, cho phép thành lập trường đại học từ 105 ngày và 05 ngày làm việc (điểm c, d, đ khoản 6) xuống 74 ngày và 03 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**1.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4; điểm c, d, đ khoản 6 Điều 95 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **17,83** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **17,83**  đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0** %.

**2. Nhóm 04 thủ tục liên quan đến thành lập, giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học: Thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học trên cơ sở các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo đang hoạt động hợp pháp do Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc cho phép thành lập (3.000310); Thành lập hoặc cho phép thành lập mới phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học (1.012977); Giải thể cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học thuộc thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập của Thủ tướng Chính phủ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học) (1.012981); Giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học) (1.012982)**

**2.1. Nội dung đơn giản hóa**

Bãi bỏ 04 TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh;

- Cắt giảm tổng thời gian giải quyết 04 TTHC: 340 ngày.

**Lý do:**

- Việc duy trì hai bước này đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học dẫn đến chồng chéo, kéo dài thời gian, tăng chi phí tuân thủ mà không tạo thêm giá trị quản lý đáng kể.

- Việc thành lập, giải thể phân hiệu có thể được xem là hoạt động nội bộ trong phạm vi quyền tự chủ của nhà trường, tương tự như việc mở thêm khoa, trung tâm...

- Nếu đã trao quyền tự chủ cho trường, thì chỉ cần kiểm soát bằng điều kiện cho phép hoạt động (qua TTHC cho phép phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học hoạt động đào tạo) là hợp lý.

**2.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ Điều 98, Điều 99 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 103 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

**2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **22,725** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **22,725** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100%**.

**3. Thủ tục Cho phép trường đại học hoạt động đào tạo (1.005041)**

**3.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ điều kiện: *Có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường đại học của Thủ tướng Chính phủ*.

**Lý do:** QĐ thành lập, cho phép thành lập trường đại học được quản lý, lưu trữ tại Bộ GDĐT (cơ quan trực tiếp chủ trì giải quyết TTHC này), do đó, đây không phải là điều kiện thể hiện năng lực hoạt động đào tạo, mà chỉ là điều kiện hành chính - mang tính hình thức.

Việc bãi bỏ giúp giảm chồng chéo giữa các giai đoạn, đồng thời góp phần giảm số lượng điều kiện, phù hợp với chủ trương cắt giảm 30% điều kiện kinh doanh, điều kiện hành chính. Có thể thay thế bằng quy định: “Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cho phép hoạt động kiểm tra tính hợp pháp của quyết định thành lập trong quá trình thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ” hoặc bổ sung trong quy trình TTHC, không cần thiết giữ lại như một điều kiện độc lập.

b) Cắt giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 70 ngày xuống 49 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**3.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ khoản 1 Điều 96 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 97 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

**3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,438** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,438** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0%**.

**4. Thủ tục** **Cho phép phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học hoạt động đào tạo (1.012978)**

**4.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ điều kiện: *Có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*.

**Lý do:** Đã đề xuất bãi bỏ thủ tục thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại họcvới lý do nêu ở trên.

Ngoài ra, Quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu trường đại học được quản lý, lưu trữ tại Bộ GDĐT (cơ quan trực tiếp chủ trì giải quyết TTHC này), do đó, đây không phải là điều kiện thể hiện năng lực hoạt động đào tạo, mà chỉ là điều kiện hành chính - mang tính hình thức. Việc bãi bỏ giúp giảm chồng chéo giữa các giai đoạn, đồng thời góp phần giảm số lượng điều kiện, phù hợp với chủ trương cắt giảm 30% điều kiện kinh doanh, điều kiện hành chính. Có thể thay thế bằng quy định: “*Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cho phép hoạt động kiểm tra tính hợp pháp của quyết định thành lập trong quá trình thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ*” hoặc bổ sung trong quy trình thủ tục hành chính, không cần thiết giữ lại như một điều kiện độc lập.

b) Cắt giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 70 ngày xuống 49 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**4.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 100 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 97 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

**4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,438** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,438** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**5. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục đại học (1.012980)**

**5.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*.

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “*Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục.

b) Cắt giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 40 ngày xuống 27 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**5.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Luật Giáo dục đại học; khoản 1 Điều 102 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

**5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,704** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,704** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**6. Thủ tục Cho phép cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học hoạt động trở lại (1.012979)**

**6.1. Nội dung đơn giản hóa**

Cắt giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**6.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 101 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

**6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,438** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,438** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**IV. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

**1. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (3.000315)**

**1.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “*Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm*”.

**Lý do:** Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bộ, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi trung tâm đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trung tâm. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm là điều kiện độc lập để xem xét cho phép trung tâm thành lập là chưa cần thiết.

b) Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “*Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của trung tâm; tổ chức, bộ máy của trung tâm; tổ chức hoạt động giáo dục trong trung tâm; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và người học; tài chính và tài sản của trung tâm; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của trung tâm*”.

**Lý do:** Đã đề xuất bãi bỏ trong phần điều kiện.

c) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 05 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**1.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ khoản 4 Điều 43 và điểm đ khoản 2 Điều 44 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 44 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Bãi bỏ điểm d khoản 2; điểm d khoản 3 Điều 32 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 32 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1.155.886.875**  đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **630.886.875** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **525.000.000** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **45,4%**.

**2. Thủ tục Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại (3.000316)**

**2.1. Nội dung đơn giản hóa**

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**2.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 45 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 33 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1.740.625** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **879.375** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **861.250** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **47.2%**.

**3. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (3.000317)**

**3.1. Nội dung đơn giản hóa**

a)Bãi bỏ 03 điều kiện kinh doanh: *Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.*

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Còn điều kiện có Quy chế tổ chức hoạt động của trung tâm: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bô, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi trung tâm đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trung tâm. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm là điều kiện độc lập để xem xét cho phép trung tâm thành lập là chưa cần thiết.

b) Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “*Ý kiến đồng thuận của nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với việc sáp nhập, chia, tách trung tâm tư thục*”.

**Lý do:** Việc thống nhất giữa các nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập là quan hệ nội bộ, được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự hoặc điều lệ hoạt động của trung tâm tư thục, không cần thẩm tra nội dung này.

c) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 05 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**3.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi khoản 1; điểm b khoản 4 Điều 46 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 34 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1.667.875** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1.579.375** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **88.500** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **5,25%**.

**4. Thủ tục Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (1.012957)**

**4.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “*Đề án giải thể trung tâm*”.

**Lý do:** Đẩy mạnh cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 10 ngày xuống 15 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**4.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ quy định “Đề án giải thể trung tâm (theo Mẫu số 07 Phụ lục I kèm theo Nghị định này)” tại điểm b khoản 3 Điều 47 và Mẫu số 07 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 47 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Bãi bỏ quy định “Đề án giải thể trung tâm (theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này)” tại điểm b khoản 2 Điều 36 Phụ lục I và Mẫu số 07 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

d) Sửa đổi khoản 3 Điều 35 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **18.395.000** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **5.270.000** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **13.125.000** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **71.35 %**.

**5. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (3.000311)**

**5.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh: “*Có chương trình, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu của các chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*”; “*Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm*”.

**Lý do:** Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bô, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi trung tâm đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trung tâm. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm là điều kiện độc lập để xem xét cho phép trung tâm thành lập là chưa cần thiết.

Bãi bỏ hai điều kiện nêu trên không ảnh hưởng đến hiệu lực quản lý nhà nước nếu tăng cường hậu kiểm và hướng dẫn thực hiện theo mẫu thống nhất.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 05 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**5.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ điểm b, d khoản 1 Điều 32 và đ khoản 2 Điều 33 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 3 Điều 33 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi khoản 2 Điều 24 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3.066.875** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1.973.125** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1.093.750** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **35.66%**.

**6. Thủ tục Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại (3.000312)**

**6.1. Nội dung đơn giản hóa**

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**6.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 34 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi điểmc khoản 2 Điều 25 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **281.875** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **281.875** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

**7. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (3.000313)**

**7.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ 03 điều kiện kinh doanh: *Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.*

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Còn điều kiện có Quy chế tổ chức hoạt động của trung tâm: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bô, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi trung tâm đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trung tâm. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm là điều kiện độc lập để xem xét cho phép trung tâm thành lập là chưa cần thiết.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 05 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**7.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 35 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi khoản 3 Điều 27 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1.973.125** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1.098.125** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **875.000** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **44.3%.**

**8. Thủ tục Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) (3.000314)**

**8.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ 02 trường hợp giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: “*Hết thời hạn đình chỉ hoạt động mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ*”; “*Mục tiêu và nội dung hoạt động trong quyết định thành lập trung tâm không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội*”.

**Lý do:** Việc không khắc phục nguyên nhân đình chỉ là cơ sở để tiếp tục đình chỉ hoặc thu hồi quyết định thành lập, chứ không nhất thiết phải quy định thành một căn cứ riêng để giải thể. Mặt khác, quyết định giải thể cần dựa trên các vi phạm pháp luật rõ ràng hoặc theo đề nghị tự nguyện của tổ chức. Việc quy định căn cứ giải thể mang tính chủ quan sẽ tạo rào cản không cần thiết đối với quyền hoạt động của các trung tâm giáo dục.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 05 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**8.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ điểm b, c khoản 1 Điều 36 Nghị định Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 36 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi khoản 3 Điều 27 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1.688.750** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1.032.500** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **656.250** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **38.9 %.**

**9. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép trung tâm học tập cộng đồng (1.012969)**

**9.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “*Có chương trình giáo dục, kế hoạch học tập, tài liệu học tập phù hợp với các hoạt động giáo dục tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*”.

**Lý do:** Cắt giảm , đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 10 ngày xuống 15 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**9.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ khoản 2 Điều 37 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 3 Điều 38 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi khoản 3 Điều 28 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **310.625** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **223.125** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **87.500** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **28.2 %**.

**10. Thủ tục Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (1.012970)**

**10.1. Nội dung đơn giản hóa**

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**10.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 39 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 29 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **935.125** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **935.125** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

**11. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng (3.000307)**

**11.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh: *Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học;* *Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*.

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 05 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**11.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 40 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 2 Điều 40 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi khoản 3 Điều 30 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1.648.750** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **992.500** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **656.250** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **39.8%**.

**12. Thủ tục Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (3.000308)**

**12.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ 01 trường hợp giải thể trung tâm học tập cộng đồng: *Mục tiêu và nội dung hoạt động trong quyết định thành lập trung tâm không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội*.

**Lý do:** Quyết định giải thể cần dựa trên các vi phạm pháp luật rõ ràng hoặc theo đề nghị tự nguyện của tổ chức. Việc quy định căn cứ giải thể mang tính chủ quan sẽ tạo rào cản không cần thiết đối với quyền hoạt động của các trung tâm giáo dục.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 05 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**12.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ điểm c Khoản 1 Điều 41 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 41 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi khoản 3 Điều 31 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2.217.500** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1.517.500** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **700.000** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **31.6 %**.

**13. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (1.012957)**

**13.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ điều kiện: *Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm*.

**Lý do:** Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bô, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi trung tâm đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trung tâm. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm là điều kiện độc lập để xem xét cho phép trung tâm thành lập là chưa cần thiết.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 10 ngày xuống 07 ngày làm việc và 07 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**13.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ khoản 5 Điều 48 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 3 Điều 49 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi khoản 3 Điều 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **18,395** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **18,395** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0%**.

**14. Thủ tục Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục trở lại (3.000318)**

**14.1. Nội dung đơn giản hóa**

Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 7 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**14.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 50 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 37 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,574** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,574** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0%**.

**15. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (3.000319)**

**15.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ điều kiện: *Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm*.

**Lý do:** Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bô, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi trung tâm đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trung tâm. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm là điều kiện độc lập để xem xét cho phép trung tâm thành lập là chưa cần thiết.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 15 ngày xuống 07 ngày làm việc và 10 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**15.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 51 Luật Giáo dục 2019; Điều 48; khoản 4 Điều 51 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 38 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **8,25** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **8,25** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0%**.

**16. Thủ tục Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) (3.000320)**

**16.1. Nội dung đơn giản hóa**

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 15 ngày xuống 07 ngày làm việc và 10 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**16.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi khoản 4 Điều 52 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 3 Điều 39 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,619** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,619** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0%**.

**V. HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT**

**1. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập (1.012971)**

**1.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản; bãi bỏ quy định nộp/nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 10 ngày làm việc xuống 07 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**1.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 11 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 6 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1.823,563** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **712,644** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1.110,919** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **60,92 %**.

**2. Thủ tục Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại (1.012972)**

**2.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bổ sung quy định nộp/nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**2.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 7 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,931** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,438** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,494** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **53,03%**.

**3. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập (1.012973)**

**3.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 10 ngày làm việc xuống 07 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản; bãi bỏ quy định nộp/nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

**3.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 2 Điều 8 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,436** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,448** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,988** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **40,56%**.

**4. Thủ tục Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012974)**

**4.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 07 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản; bãi bỏ quy định nộp/nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

**4.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 3 Điều 9 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,136** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,973** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,163** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **37,09%**.

**5. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên (1.012958)**

**5.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc xuống 10 ngày và 10 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường thành một điều kiện chung: “*Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo*”.

**Lý do:** Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về Đề án đảm bảo gắn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

**5.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 70; khoản 3 Điều 26 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

**5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,318** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,268** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,05** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **45,3%**.

**6. Thủ tục Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục (1.005008)**

**6.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc xuống 15 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Bỏ điểm b khoản 1 Điều 27 “*b) Có chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”* và điểm b khoản 2 Điều 71 “*Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định đối với trường chuyên*.”. Do chương trình theo quy định của Luật Giáo dục.

Bỏ điểm đ khoản 1 Điều 27: “*đ) Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường*.”

**Lý do:** Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bô, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi nhà trường đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép nhà trường hoạt động là chưa cần thiết. Các nhà trường đã đáp ứng các điều kiện cốt lõi như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính, … thì việc chưa có bản Quy chế hoàn chỉnh ngay từ đầu không ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mặt khác, trong quy định về thành phần hồ sơ, chỉ yêu cầu nộp dự thảo Quy chế, tức là cũng chưa có Quy chế chính thức, do đó, việc quy định có Quy chế à điều kiện cứng là không phù hợp.

**6.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi Điều 72 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 47 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,45** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,34** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,11** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **45,31%**.

**7. Thủ tục Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại (1.004988)**

**7.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**7.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b)Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 20 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,931** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,441** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,49** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **53,63%**.

**8. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên (1.004999)**

**8.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc xuống 15 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*.

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “*Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục.

**8.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 30 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 21 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **4,872** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,896** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,976** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **40,56%**.

**9. Thủ tục Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (1.004991)**

**9.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**9.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 31 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2205/NĐ-CP

**9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,261** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,271** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,99** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **43,79%**.

**10. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật (3.000301)**

**10.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc xuống 12 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường thành một điều kiện chung: “*Trường dành cho người khuyết tật được thành lập ở cấp học mầm non và phổ thông khi có đề án phù hợp với quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo*”.

**Lý do:** Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về Đề án đảm bảo gắn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

**10.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 80; khoản 3 Điều 81 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 52 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,188** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,438** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,75** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **34,28%**.

**11. Thủ tục Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục (3.000302)**

**11.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc xuống 12 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Bỏ điều kiện: *“Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường*” tương ứng với từng cấp học; *“Có chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo”; “Tài liệu chuyên môn, tài liệu hỗ trợ bảo đảm thực hiện các hoạt động của trường”*

**Lý do:** Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bô, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi nhà trường đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép nhà trường hoạt động là chưa cần thiết. Các nhà trường đã đáp ứng các điều kiện cốt lõi như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính, … thì việc chưa có bản Quy chế hoàn chỉnh ngay từ đầu không ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường.

Các chương trình, tài liệu học tập phù hợp quy định là yêu cầu đương nhiên phải tuân thủ trong quá trình hoạt động của trung tâm giáo dục, không phải là yếu tố để cơ quan quản lý đánh giá năng lực hay điều kiện kinh doanh trước khi cấp phép.

**11.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi Điều 82; khoản 3 Điều 83 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 53 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,34** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,03** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,31** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **39,22%**.

**12. Thủ tục Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại (3.000303)**

**12.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**12.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b)Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 54 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,181** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,66** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,521** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **44,03%**.

**13. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật (3.000304)**

**13.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc và 20 ngày xuống 09 ngày làm việc và 10 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*.

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “*Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục.

**13.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 54 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,728** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,158** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,57** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **32,99%**.

**14. Thủ tục Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (3.000305)**

**14.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**14.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 54 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2205/NĐ-CP

**14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,75** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,01** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,74** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **42,29%**.

**15. Nhóm 02 thủ tục: Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (3.000306); Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở (3.000309)**

**15.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ điều kiện: Tài liệu chuyên môn, tài liệu hỗ trợ bảo đảm thực hiện các hoạt động của trường.

**Lý do:**Các chương trình, tài liệu học tập phù hợp quy định là yêu cầu đương nhiên phải tuân thủ trong quá trình hoạt động của trung tâm giáo dục, không phải là yếu tố để cơ quan quản lý đánh giá năng lực hay điều kiện kinh doanh trước khi cấp phép.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 20 ngày xuống 10 ngày và 06 ngày làm việc..

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**15.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 4 Điều 85 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 55 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,762**triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,282** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,48** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **39,34%**.

**16. Thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (1.012959)**

**16.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc xuống 14 ngày và 06 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường thành một điều kiện chung: “*Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo*”.

**Lý do:** Gộp hai điều kiện có cùng nội dung yêu cầu về Đề án đảm bảo gắn bó chặt chẽ, tinh gọn quy định, tránh rườm rà, phân tán.

**16.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 75; khoản 3 Điều 76 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 49 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,182** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,822** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,36** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **37,59%**.

**17. Thủ tục Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục (3.000297)**

**17.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bỏ điều kiện: *“Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường*” tương ứng với từng cấp học; *“Có chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo”*

**Lý do:** Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bô, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi nhà trường đi vào hoạt động, mặt khác, Quy chế này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép nhà trường hoạt động là chưa cần thiết. Các nhà trường đã đáp ứng các điều kiện cốt lõi như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính, … thì việc chưa có bản Quy chế hoàn chỉnh ngay từ đầu không ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường.

Các chương trình, tài liệu học tập phù hợp quy định là yêu cầu đương nhiên phải tuân thủ trong quá trình hoạt động của trung tâm giáo dục, không phải là yếu tố để cơ quan quản lý đánh giá năng lực hay điều kiện kinh doanh trước khi cấp phép.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 15 ngày xuống 07 ngày làm việc và 08 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**17.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 77, khoản 3 Điều 78 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi khoản 3 Điều 50 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,346** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,886** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,46** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **43,63%**.

**18. Thủ tục Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại (3.000298)**

**18.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**18.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b)Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,187** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,527** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,66** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **55,60%**.

**19. Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (3.000299)**

**19.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc xuống 09 ngày làm việc và 10 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

c) Bãi bỏ 03 điều kiện: *Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*.

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Quy định “*Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*” không nên đặt ra như điều kiện để thực hiện thủ tục.

**19.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

**19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,728** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,748** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,98** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **56,71%**.

**20. Thủ tục Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (3.000300)**

**20.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua bưu chính hoặc trực tiếp, sửa thành: gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**20.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2205/NĐ-CP

**20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,75** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,14** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,61** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **34,86%**.

**VI. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM, PHÂN HIỆU CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

**1. Thủ tục Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000939)**

**1.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ điều kiện: “*Đến thời điểm thẩm định cho phép hoạt động giáo dục, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 50% tổng số vốn đầu tư và nhà đầu tư phải cam kết đầu tư đủ số vốn trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có quyết định cho phép hoạt động.*” chuyển sang điều kiện cho phép hoạt động; “*Trường tập trung tại một địa điểm, có môi trường tốt*” tương ứng với từng cấp học do thực tế có hệ thống các trường nằm ở nhiều địa điểm khác nhau không tập trung tại 1 địa điểm, có môi trường tốt mang tính định tính khó thẩm định không khả thi; cụm từ trong điều kiện về Chương trình giáo dục nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam “*được giảng dạy trực tiếp ít nhất 05 năm ở nước sở tại tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hoạt động*” do không khả thi (ví dụ CTGDPT 2018 cũng chưa được giảng dạy trực tiếp ít nhất 5 năm nếu quy định như vậy sẽ không được dùng); bãi bỏ cụm từ “*và đáp ứng quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này*” vì đã có ghi trên đề mục của điều kiện này.

b) Đơn giản hóa 12 điều kiện thành 02 điều kiện chung về cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và dẫn chiếu đến tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường, lớp học của Bộ GDĐT. Do các điều kiện này quy định chưa cụ thể, rõ ràng, chỉ nhắc đến các đầu mục cơ sở vật chất cần phải có, chưa có tiêu chuẩn như thế nào, do đó, khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định vẫn cần căn cứ theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất của Bộ BGDĐT.

c) Bãi bỏ cụm từ “*môn học*” trong điều kiện về thực hiện môn học, nội dung giáo dục, đào tạo bắt buộc (do đối với người học là công dân Việt Nam học chương trình giáo dục của nước ngoài chỉ cần xây dựng các chuyên đề học tập có thể tích hợp nội dung của nhiều môn học, không nhất thiết phải thành các môn học riêng biệt, giảm hồ sơ thuận tiện cho các nhà trường xây dựng nội dung, thuận tiện cho việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, giảm thời gian với nhà trường).

d) Gộp quy định “*Giáo viên ít nhất phải có trình độ đại học sư phạm hoặc tương đương*” và “*Số lượng giáo viên ít nhất phải bảo đảm tỷ lệ: 1,5 giáo viên/lớp đối với trường tiểu học, 1,95 giáo viên/lớp đối với trường trung học cơ sở và 2,25 giáo viên/lớp đối với trường trung học phổ thông*” tại điều kiện về đội ngũ nhà giáo đối với cơ sở giáo dục phổ thông, điều chỉnh như sau: “*Giáo viên phải đáp ứng ít nhất trình độ đào tạo và tỷ lệ giáo viên/ lớp theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với mỗi cấp học tương ứng*”

**Lý do:** Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

h) Giảm thời gian giải quyết tại điểm a khoản 2 Điều 42: sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc; điểm a khoản 2 Điều 42: sửa trong thời hạn 10 ngày làm việc thành 07 ngày làm việc; điểm d khoản 2 Điều 42: sửa trong thời hạn 30 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**1.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35, khoản 2, 3 Điều 36, khoản 2, 3 Điều 38, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Điểm a, c khoản 18, điểm b, c khoản 19, điểm a khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **14,48** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **10,15** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **4,33** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **30,86%.**

**2. Thủ tục Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000716)**

**2.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Gộp điểm a, b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP thành 1 hồ sơ gồm Đơn đề nghị giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục kèm theo Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu số ....tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. (mẫu hóa đơn để thống nhất chung và giảm thời gian thẩm định hồ sơ).

**Lý do:** Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Điểm c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP: sửa 30 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**2.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; điểm c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

**2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,319** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,489** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,83** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **35,79%**.

**3. Thủ tục Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ (2.000545)**

**3.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bỏ quy định thành phần hồ sơ về văn bản chấp thuận việc thành lập cơ sở giáo dục tại địa phương và chấp thuận về nguyên tắc cho thuê đất của UBND cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục dự kiến thành lập hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê đất hoặc cơ sở vật chất sẵn có.

**Lý do:** TTHC đã phân cấp về Chủ tịch UBND cấp tỉnh, các thành phần hồ sơ này không cần thiết quy định.

b) Chuyển nộp/nhận trả hồ sơ trực tiếp sang nộp/nhận trả hồ sơ trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

c) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**3.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; khoản 19 Điều 1  Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

**3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,669** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,144** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,525** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **19,67%**.

**4. Thủ tục Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2.000462)**

**4.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Gộp 06 điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đối với cơ sở giáo dục mầm non thành 01 điều kiện chung: *“Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.*

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Do đó, dẫn chiếu về các quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường, lớp học cơ sở giáo dục mầm non.

b) Chuyển nộp/nhận trả hồ sơ trực tiếp sang nộp/nhận trả hồ sơ trực tuyến.

**Lý do:** Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

c) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**4.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; khoản 19 Điều 1  Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

**4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,669** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,144** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,525** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **19,67%**.

**5. Thủ tục Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000718)**

**5.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bỏ “trong đó có nội dung và lý do bổ sung, điều chỉnh kèm theo các giấy tờ quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 46 Nghị định này” và điều chỉnh thành theo Mẫu số ....tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. (mẫu hóa đơn để thống nhất chung và giảm thời gian thẩm định hồ sơ).

**Lý do:** Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Khoản 3 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP: sửa 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc; sửa “Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ...” thành “03 ngày làm việc”.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**5.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 46, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

**5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **5,226** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **3,326** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,9** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **36,36%**.

**6. Thủ tục Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.006446)**

**6.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bỏ điều kiện: *Có Quyết định thành lập cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài; hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài*.

**Lý do:** QĐ thành lập, cho phép thành lập được quản lý, lưu trữ tại cơ quan NN về giáo dục, do đó, đây không phải là điều kiện thể hiện năng lực hoạt động đào tạo, mà chỉ là điều kiện hành chính - mang tính hình thức.

Việc bãi bỏ giúp giảm chồng chéo giữa các giai đoạn, đồng thời góp phần giảm số lượng điều kiện, phù hợp với chủ trương cắt giảm 30% điều kiện kinh doanh, điều kiện hành chính

b) Bỏ điều kiện: Có quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông phù hợp với quy định của pháp luật.

**Lý do**: Về mặt pháp lý, Quy chế này chỉ là dự thảo, tài liệu nội bô, chưa có giá trị pháp lý chính thức cho đến khi CSGD đi vào hoạt động, mặt khác, QC này có thể được điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong giai đoạn đầu thành lập, hoạt động của trường. Do đó, việc xem xét có QC tổ chức và hoạt động của nhà trường là điều kiện độc lập để xem xét cho phép CSGD hoạt động là chưa cần thiết.

Các CSGD đã đáp ứng các điều kiện cốt lõi như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, tài chính,… thì việc chưa có bản QC hoàn chỉnh ngay từ đầu không ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động giáo dục của CSGD.

Điều kiện này mang tính hình thức, vì nếu đã có quyết định thành lập, quy chế tổ chức là nội dung nội bộ của trường không nên là điều kiện để cấp phép đào tạo.

c) Điểm a khoản 6 bổ sung Điều 46 Nghị định 86/2018: bỏ cụm từ “Chương trình môn học”, chỉ giữ lại “nội dung giáo dục bắt buộc”

**Lý do:** Đối với người học là công dân Việt Nam học chương trình giáo dục của nước ngoài chỉ cần xây dựng các chuyên đề học tập có thể tích hợp nội dung của nhiều môn học, không nhất thiết phải thành các môn học riêng biệt, giảm hồ sơ thuận tiện cho các nhà trường xây dựng nội dung, thuận tiện cho việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, giảm thời gian với nhà trường).

d) Khoản 2 Điều 48 Nghị định 86/2018/NĐ-CP: Trong thời hạn 20 ngày làm việc và điểm c mục 28 Điều 1 Nghị định 124/2024/NĐ-CP: sửa “trong thời hạn 30 ngày (đối với hồ sơ của cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông dạy chương trình giáo dục của nước ngoài cho học sinh Việt Nam)”, thành “20 ngày”; Sửa “trong thời hạn 05 ngày làm việc” thành “03 ngày làm việc”; Sửa “trong thời hạn 05 ngày làm việc” thành “03 ngày làm việc

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**6.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 46, khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

**6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **47,77** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **41,08** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **6,69** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **14%**.

**7. Thủ tục Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.001495)**

**7.1. Nội dung đơn giản hóa**

Sửa trong thời hạn 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc (thời hạn thẩm định hồ sơ); sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc (thời hạn xem xét hồ sơ hợp lệ).

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**7.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 50 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

**7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,231** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,531** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,7** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **31,38%**.

**8. Nhóm 02 thủ tục: Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008722); Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008723)**

**8.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”; “Quyết định thành lập trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thôngtư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thôngtư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”.

**Lý do:** Các quyết định này do chính cơ quan cấp phép hoặc quản lý cấp, nên không cần yêu cầu tổ chức nộp lại.

b) Sửa trong thời hạn 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc (thời hạn thẩm định hồ sơ); sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc (thời hạn xem xét hồ sơ hợp lệ).

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**8.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 6, 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP.

**8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **29,3** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **23,08** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **6,22** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **21,23%**.

**9. Nhóm 02 thủ tục: Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008720); Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008721)**

**9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC,…)**

a) Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống 14 ngày

 **Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

b) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”; “Quyết định thành lập trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thôngtư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thôngtư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”.

**Lý do:** Các quyết định này do chính cơ quan cấp phép hoặc quản lý cấp, nên không cần yêu cầu tổ chức nộp lại.

**9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)**

Sửa đổi Điều 6, 7 Nghị định 84/2020/NĐ-CP.

**9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa** (kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ)

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC trước khi đơn giản hóa: **7,79** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ nhóm TTHC sau khi đơn giản hóa: **5,17** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **2,62** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **33,63%.**

**10. Thủ tục Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (2.000130)**

**10.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ 03 điều kiện:

*- Có điều lệ, tôn chỉ, mục đích hoạt động rõ ràng;*

*- Có quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện dự kiến thành lập tại Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;*

*- Có địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện hợp pháp và bảo đảm trật tự, an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.*

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư.

b) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**10.2. Kiến nghị thực thi**

a) Bãi bỏ Khoản 3, 4, 5, Điều 53 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 53 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

d) Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

**10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2,8** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,51** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,29** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **46%**.

**11. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (1.000159)**

**11.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ quy định: Có phương án giải quyết tài chính, tài sản

b) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**11.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi bổ sung Điều 60 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

**11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,5** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **2,18** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **1,32** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **37,71%**.

**12. Thủ tục Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (1.001492)**

**12.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ các thành phần hồ sơ: bản sao hồ sơ đề nghị cấp quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài đã gửi cho Bộ Giáo dục và Đào tạo; lý lịch cá nhân của người được bổ nhiệm; lý lịch cá nhân của nhân sự làm việc tại văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài.

b) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**12.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi bổ sung Điều 59 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

**12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,22** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,14**triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,08** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **36,99%**.

**13. Thủ tục Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện (1.001501)**

**13.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ điều kiện: Có phương án giải quyết tài chính, tài sản

b) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**13.2. Kiến nghị thực thi**

a) Sửa đổi bổ sung Điều 61 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

**13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **13,68** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **8,62** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **5,06** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **37%**.

**VII. HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI**

**1. Nhóm 03 thủ tục liên quan đến liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài: Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000729); Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000691); Chấm dứt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000688)**

**1.1. Nội dung đơn giản hóa**

***a) Phương án 1***: Thay thế nhóm thủ tục phê duyệt, gia hạn, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài thành thủ tục đăng ký hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài và phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT cho Giám đốc Sở GDĐT. Theo đó:

- Cụ thể hóa các yêu cầu điều kiện;

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 05 ngày làm việc;

- Bỏ quy định về thời hạn liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài không quá 05 năm kể từ ngày được phê duyệt. Do đó, bãi bỏ thủ tục gia hạn hoạt động liên kết tổ chức thi.

**Lý do:**

- Phân cấp việc phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài cho Sở GDĐT để giảm áp lực cho Bộ GDĐT và bảo đảm vai trò quản lý nhà nước của các địa phương trên địa bàn.

- Bộ GDĐT quá tải, không thể đáp ứng nhu cầu phê duyệt trên cả nước.

- Bộ GDĐT không đủ thời gian, kinh phí, nhân lực để quản lý, kiểm tra trên cả nước.

- Các hoạt động liên kết thi thường diễn ra vào ngày nghỉ, ngày cuối tuần.

- Giảm áp lực cho các bên liên kết, doanh nghiệp.

***b) Phương án 2:*** Bãi bỏ nhóm TTHC này, thay bằng quy định trách nhiệm thông báo địa điểm liên kết tổ chức thi khi đáp ứng các yêu cầu. Theo đó:

- Bãi bỏ 09 quy định điều kiện kinh doanh của nhóm TTHC này;

- Cắt giảm tổng thời gian giải quyết nhóm TTHC này là 25 ngày làm việc và 20 ngày.

**Lý do:** Việc liên kết tổ chức thi cơ bản tuân thủ quy định chặt chẽ của các cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

**1.2. Kiến nghị thực thi**

***a) Đối với Phương án 1:***

- Sửa đổi các luật:

+ Luật Đầu tư: Hoạt động liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài không có trong Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục IV (chỉ có Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài STT 142). Do đó, cần bổ sung vào Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

+ Luật Giáo dục không coi hoạt động liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài là hình thức hợp tác, đầu tư của nước ngoài về giáo dục tại Việt Nam: Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 108, bổ sung liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài là hình thức hợp tác, đầu tư của nước ngoài về giáo dục tại Việt Nam.

- Sửa đổi bổ sung Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CPtại:

+ Khoản 2 Điều 18; khoản 4 Điều 20 **“***Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài phải được công nhận hợp pháp ở nước sở tại và có giá trị sử dụng phổ biến trên thế giới.*”;

+ Khoản 2 Điều 21 (Yêu cầu quy cách của hồ sơ cụ thể hơn);

+ Khoản 2 Điều 22: Sửa thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài thành Giám đốc Sở GDĐT cấp giấy phép đăng ký hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài. Từ đó sửa các nội dung liên quan.

+ Điểm b, khoản 2 Điều 23: Giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 5 ngày làm việc (nếu chuyển thành thủ tục đăng ký).

+ Điều 24: Bỏ quy định thời hạn liên kết.

- Bãi bỏ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT.

***b) Đối với Phương án 2:***

- Bãi bỏ các quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT.

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

***a) Phương án 1:*** Thay thế thủ tục phê duyệt, gia hạn, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định thành thủ tục đăng ký hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài do Giám đốc Sở GDĐT cấp giấy phép

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **418,808** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **128,308** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **290,5** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **69%**.

***b) Phương án 2***: Bãi bỏ nhóm thủ tục liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **418,808** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **418,808** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100%**.

**VIII. Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học**

**1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (1.005061)**

**1.1. Nội dung đơn giản hóa**

a) Bãi bỏ 03 điều kiện:

*- Có trụ sở hoạt động ổn định, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức hoạt động tư vấn du học; tài liệu giới thiệu, tư vấn thông tin về chính sách giáo dục của các quốc gia và vùng lãnh thổ; tài liệu tư vấn thông tin về trường học, khóa học, ngành nghề và trình độ đào tạo.*

*- Có đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học đáp ứng các yêu cầu sau:*

*+ Có trình độ đại học trở lên; có năng lực sử dụng ít nhất một ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tương đương;*

*+ Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học theo quy định*.

**Lý do:** Các điều kiện nàychung chung, không xác định được tiêu chí, cách thức đo lường, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, kiểm tra nên không đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư.

b) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**1.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 116, 117 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **294,15** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **173,604** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **120,546** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **40,98%**.

**2. Thủ tục Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại (2.001987)**

**2.1. Nội dung đơn giản hóa**

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**2.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 118 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

**2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **98,05** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **61,77** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **36,28** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **37%**.

**3. Thủ tục Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (1.012960)**

**3.1. Nội dung đơn giản hóa**

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 20 ngày làm việc xuống 13 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**3.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 117 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

**3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **49,25** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **49,25** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

**IX. GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**1. Thủ tục thành lập trường cao đẳng sư phạm (1.012983)**

**1.1. Nội dung đơn giản hóa**

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 03 điều kiện kinh doanh;

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 20 ngày.

**Lý do:** TTHC không có hồ sơ phát sinh trong nhiều năm.

**1.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi Điều 52 Luật Giáo dục năm 2019; điểm c khoản 1 Điều 1, Điều 86, Điều 87 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,889** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **3,889** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

**2. Thủ tục Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục (2.000632)**

**2.1. Nội dung đơn giản hóa**

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 20 ngày làm việc.

**Lý do:** Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính (giao cơ sở GDNN tự thực hiện)

**2.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi Điều 13 Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014.

**2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,785** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0** đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0,785** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **100 %**.

**3. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng (1.000252)**

**3.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh: “*Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; “Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m2/người đối với đào tạo trình độ trung cấp và 08 m2/người đối với đào tạo trình độ cao đẳng”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”;*

- Đơn giản hóa 03 điều kiện kinh doanh: *“Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Có đủ chương trình”; “Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m2/chỗ học”* thành *“Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m2/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25”;*

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

**Lý do:** Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính (giao cơ sở GDNN tự thực hiện)

**3.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; điểm a khoản 6 Điều 45 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP; điểm a, b khoản 6 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; Điểm b khoản 10, điểm d, đ, i, h, k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

**3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **669,294** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **341,169** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **328,125** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **49,03 %**.

**3. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng (1.000249)**

**3.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh: *“Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; “Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m2/người đối với đào tạo trình độ trung cấp và 08 m2/người đối với đào tạo trình độ cao đẳng”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”;*

- Đơn giản hóa 03 điều kiện kinh doanh: *“Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”* thành *“Có đủ chương trình”; “Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m2/chỗ học”* thành *“Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m2/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25”;*

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

**Lý do:** Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính (giao cơ sở GDNN tự thực hiện)

**3.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; điểm a khoản 6 Điều 45 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP; điểm a, b khoản 6 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; Điểm b khoản 10, điểm d, đ, i, h, k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

**3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2.109,313** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1.190,563** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **918,750** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **43,5 %**.

**4. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp (2.000189)**

**4.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh: *“Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”; “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; “Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m2/người”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”*;

- Đơn giản hóa 02 điều kiện kinh doanh: *“Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo, cụ thể: Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m2/chỗ học*” thành “*Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m2/chỗ học*”; “*Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo*” thành “*Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25*”;

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

**Lý do:** Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính (giao cơ sở GDNN tự thực hiện)

**4.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; điểm a khoản 6 Điều 45 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP; điểm a, b khoản 6 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; Điểm b khoản 10, điểm d, đ, i, h, k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP

**4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **670,1** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **341,975** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **328,125** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **49 %**.

**5. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp (1.000389)**

**5.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh: *“Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; “Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m2/người đối với đào tạo trình độ trung cấp”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”*;

- Đơn giản hóa 03 điều kiện kinh doanh: “*Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*” thành “*Có đủ chương trình*”; “*Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m2/chỗ học*” thành “*Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m2/chỗ học*”; “*Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo*” thành “*Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25*”;

b) Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

**Lý do:** Cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC theo yêu cầu của Nghị quyết số 66/NQ-CP.

**5.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; điểm a khoản 6 Điều 45 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP; điểm a, b khoản 6 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; Điểm b khoản 10, điểm d, đ, i, h, k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

**5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **2.115,875** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1.197,125** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **918,75** triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **43,4 %**.

**6. Thủ tục Cho phép thành lập trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.000145)**

**6.1. Nội dung đơn giản hóa**

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát*.

**Lý do:** Điều kiện “có cam kết” là yêu cầu về hình thức, không gắn với tiêu chí đánh giá cụ thể về chất lượng, năng lực hay trách nhiệm thực hiện, dẫn đến khó kiểm tra, đánh giá.

**6.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

**6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **5,232** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **5,232** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

**7. Thủ tục Chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng (1.000611)**

**7.1. Nội dung đơn giản hóa**

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động*.

**Lý do:** Điều kiện này là một yêu cầu mang tính nguyên tắc, định hướng chung, không có tiêu chí, chỉ số, hoặc công cụ cụ thể để đánh giá việc đáp ứng điều kiện này. Do đó, không đáp ứng yêu cầu điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.

**7.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

**7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **8,565** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **8,565** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

**8. Thủ tục Công nhận trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận (1.000561)**

**8.1. Nội dung đơn giản hóa**

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát*.

**Lý do:** Điều kiện “có cam kết” là yêu cầu về hình thức, không gắn với tiêu chí đánh giá cụ thể về chất lượng, năng lực hay trách nhiệm thực hiện, dẫn đến khó kiểm tra, đánh giá.

**8.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

**8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,885** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,885** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

**9. Thủ tục Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (2.000099)**

**9.1. Nội dung đơn giản hóa**

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động*.

**Lý do:** Điều kiện này là một yêu cầu mang tính nguyên tắc, định hướng chung, không có tiêu chí, chỉ số, hoặc công cụ cụ thể để đánh giá việc đáp ứng điều kiện này. Do đó, không đáp ứng yêu cầu điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.

**9.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

**9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,038** triệu đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **3,038** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

**10. Thủ tục Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.000509)**

**10.1. Nội dung đơn giản hóa**

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát*.

**Lý do:** Điều kiện “có cam kết” là yêu cầu về hình thức, không gắn với tiêu chí đánh giá cụ thể về chất lượng, năng lực hay trách nhiệm thực hiện, dẫn đến khó kiểm tra, đánh giá.

**10.2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

**10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **3,701** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **3,701** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

**11. Thủ tục Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận (1.000482)**

**11.1. Nội dung đơn giản hóa**

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát*.

**Lý do:** Điều kiện “có cam kết” là yêu cầu về hình thức, không gắn với tiêu chí đánh giá cụ thể về chất lượng, năng lực hay trách nhiệm thực hiện, dẫn đến khó kiểm tra, đánh giá.

**11.2. Kiến nghị thực thi**

Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

**11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **1,885** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **1,885** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

**X. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**1. Thủ tục Cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp (1.000286)**

**1.1. Nội dung đơn giản hóa**

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc*.

**Lý do:** Điều kiện “Phẩm chất đạo đức tốt” và “đủ sức khỏe” là các tiêu chí mang tính định tính, khó lượng hóa, không quy định rõ tiêu chuẩn, cơ quan đánh giá, phương pháp đánh giá..

**1.2. Kiến nghị thực thi**

Bãi bỏ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP.

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **407,216** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **407,216** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.

**2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (1.000298)**

**2.1. Nội dung đơn giản hóa**

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: *Có trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định trong đó có nội dung, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp*.

**Lý do:** Điều kiện “Phẩm chất đạo đức tốt” và “đủ sức khỏe” là các tiêu chí mang tính định tính, khó lượng hóa, không quy định rõ tiêu chuẩn, cơ quan đánh giá, phương pháp đánh giá..

**2.2. Kiến nghị thực thi**

Bãi bỏ khoản 5 Điều 4 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP.

**2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **0,227** triệu đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **0,227** triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: **0** đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **0 %**.